

Số: /KH-UBND

Quảng Trị, ngày tháng năm 2022

KẾ HOẠCH
Kiểm tra công tác Cải cách hành chính năm 2022

Thực hiện Kế hoạch số 204/KH-UBND ngày 24/12/2021 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Quảng Trị năm 2022, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch kiểm tra công tác cải cách hành chính (sau đây viết tắt là CCHC) năm 2022 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Đánh giá tình hình và kết quả triển khai thực hiện các chương trình, nghị quyết, chỉ thị, quyết định, kế hoạch của cấp trên liên quan đến công tác CCHC và Kế hoạch CCHC hàng năm của đơn vị; thông qua đó, làm rõ kết quả cải cách hành chính đạt được trên các lĩnh vực quản lý của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố (gọi chung là cấp huyện); UBND các xã, phường và thị trấn (gọi chung là cấp xã). Kịp thời đôn đốc, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện tốt công tác cải cách hành chính (CCHC), đề xuất những vấn đề cần quan tâm trong chỉ đạo, điều hành; kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền để nâng cao chất lượng công tác CCHC của tỉnh.

- Kịp thời phát hiện những mô hình, cách làm hay để nêu gương, nhân rộng đồng thời chỉ ra những tồn tại, khó khăn, vướng mắc để xác định nguyên nhân, trách nhiệm và đề xuất các giải pháp khắc phục những hạn chế tại đơn vị được kiểm tra.

- Tạo chuyển biến mạnh mẽ về trách nhiệm người đứng đầu của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong công tác CCHC; trách nhiệm phục vụ nhân dân của đội ngũ cán bộ, công chức.

- Nắm bắt tình hình thực hiện công tác CCHC tại các cơ quan, địa phương trên địa bàn tỉnh, để có cơ sở xem xét, đánh giá xếp loại Chỉ số CCHC, mức độ hoàn thành nhiệm vụ (HTNV) và bình xét khen thưởng danh hiệu thi đua cuối năm 2022.

2. Yêu cầu

- Việc kiểm tra phải thực hiện đúng quy định của pháp luật, nghiêm túc, khách quan, trung thực, không gây trở ngại đến hoạt động chuyên môn bình thường của các cơ quan, đơn vị và cá nhân là đối tượng được kiểm tra.

- Phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương để đảm bảo việc kiểm tra mang tính toàn diện, tránh chồng chéo, đồng thời có trọng tâm, trọng điểm; chú ý các nội dung quan trọng nhằm cải thiện, nâng cao các Chỉ số PAPI PAR INDEX, SIPAS của tỉnh.

- Kết hợp giữa làm việc, trao đổi với khảo sát thực tế; đánh giá, kết luận kiểm tra phải phản ánh đúng thực tế về công tác CCHC tại cơ quan, đơn vị, địa

phương. Kết quả kiểm tra phải được tổng hợp báo cáo theo quy định; các kiến nghị của Đoàn kiểm tra phải được cơ quan, đơn vị thực hiện nghiêm túc và có báo cáo kết quả khắc phục. Trường hợp cần thiết có thể thực hiện phúc tra, tái kiểm tra đối với cơ quan, đơn vị.

- Việc kiểm tra công tác cải cách hành chính là yêu cầu bắt buộc của các cơ quan hành chính nhà nước. Do vậy, các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động xây dựng kế hoạch và tổ chức kiểm tra thực hiện nhiệm vụ công tác CCHC tại cơ quan, đơn vị mình.

II. NỘI DUNG KIỂM TRA

Kiểm tra tình hình triển khai và kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác CCHC, tập trung vào những nhiệm vụ đã được xác định trong kế hoạch năm 2022 (tính đến thời điểm kiểm tra), cụ thể:

- Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC; việc phổ biến, quán triệt, tuyên truyền và xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình tổng thể CCHC Nhà nước giai đoạn 2021-2030, các nghị quyết, chỉ thị, quyết định, kế hoạch của cấp trên liên quan đến công tác CCHC. Kết quả thực hiện các lĩnh vực của công tác CCHC: Cải cách thể chế; Cải cách thủ tục hành chính; Cải cách tổ chức bộ máy; Cải cách công vụ; Cải cách tài chính công; Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số; trong đó tập trung vào các nội dung sau:

+ Sự tích cực, chủ động, nghiêm túc trong công tác chỉ đạo, điều hành về cải cách hành chính; Kết quả khắc phục những tồn tại, hạn chế và các giải pháp nâng cao chỉ số CCHC, HTNV năm 2021 của đơn vị; Giải pháp góp phần nâng cao chỉ số PAR INDEX, chỉ số PAPI, chỉ số SIPAS của tỉnh năm 2021.

+ Việc ban hành và tham mưu ban hành văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan, đơn vị, địa phương; công tác kiểm tra, rà soát, xử lý VBQPPL; tình hình, kết quả triển khai thực hiện công tác theo dõi, thi hành pháp luật.

+ Việc triển khai thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ; Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ và Quyết định số 2312/QĐ-UBND ngày 08/10/2018 của UBND tỉnh; Thực hiện một cửa điện tử và tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích theo Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; Thực hiện công khai xin lỗi trong giải quyết TTHC cho cá nhân, tổ chức theo Quyết định số 30/2020/QĐ-UBND ngày 08/12/2020 của UBND tỉnh; Tổ chức đánh giá việc giải quyết TTHC theo Quyết định số 1089/QĐ-UBND ngày 28/4/2020 của UBND tỉnh.

+ Việc giải quyết thủ tục hành chính: Kiểm tra thực tế từ 10-20 hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính ở một số lĩnh vực thuộc phạm vi thẩm quyền quản lý, giải quyết của cơ quan, đơn vị được kiểm tra.

+ Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính theo quy định của pháp luật: Việc cấp giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả, phiếu chuyển hồ sơ, quá trình giải quyết hồ sơ; TTHC thực hiện liên thông cùng cấp và liên thông giữa các cấp, ...

+ Kết quả rà soát, đánh giá thủ tục hành chính theo quy định tại Chương V, Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ và Kế hoạch hoạt động kiểm soát TTHC trên địa bàn tỉnh Quảng Trị được ban hành tại Quyết định số 77/QĐ-UBND ngày 13/01/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

+ Tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính theo quy định tại Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14/02/2008 của Chính phủ về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính và Điều 2 về sửa đổi, bổ sung một số điều, khoản của Nghị định 20/2008/NĐ-CP tại Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017.

+ Việc sắp xếp tổ chức bộ máy các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc của Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố theo các Nghị định số: 107/2020/NĐ-CP và 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ.

+ Việc thực hiện các quy định về phân cấp quản lý CBCC, VC theo Nghị quyết 99/NQ-CP ngày 24/6/2020 của Chính phủ về việc đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực và Kế hoạch 3381/KH-UBND ngày 27/7/2020 của UBND tỉnh (Thực hiện phân cấp được UBND tỉnh giao, tham mưu UBND tỉnh phân cấp đối với lĩnh vực phụ trách, kiểm tra và khắc phục sau kiểm tra việc thực hiện phân cấp theo quy định).

+ Việc thực hiện quy định về cơ cấu số lượng lãnh đạo tại các cơ quan hành chính; thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm.

+ Việc thực hiện kỷ luật, kỷ cương, lề lối làm việc, các quy định về văn hóa công sở; việc xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 05/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

+ Việc tổ chức thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý đối với cơ quan nhà nước; về tổ chức bộ máy, người làm việc và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập; việc thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước; việc kê khai, đề xuất phương án sắp xếp lại, xử lý nhà đất đối với các cơ sở nhà, đất thuộc phạm vi quản lý; việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý tài sản công và việc thực hiện quản lý, sử dụng tài sản công.

+ Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan, đơn vị, địa phương; Việc triển khai thực hiện tiếp nhận, xử lý, phát hành, quản lý văn bản điện tử giữa các cơ quan, tổ chức và việc lập, xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng trong nội bộ đơn vị; Kết quả áp dụng chữ ký số; Kết quả triển khai dịch vụ công trực tuyến trên cổng Dịch vụ công tỉnh, cung cấp DVC trực tuyến mức độ cao trên cổng Dịch vụ công trực tuyến tỉnh (theo Công văn số 90/UBND-VX ngày 11/01/2021 và Công văn số 699/UBND-KSTTHC ngày 02/3/2021 của UBND tỉnh; Quyết định số 708/QĐ-UBND ngày 04/3/2022 của UBND tỉnh); Số hóa TTHC.

- Thực hiện các nhiệm vụ CCHC do Trung ương, Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh giao.

- Kết quả tự kiểm tra công tác CCHC và công tác khắc phục sau kiểm tra của các cơ quan, đơn vị và việc thực hiện Báo cáo kết luận kiểm tra CCHC tại các cơ

quan, địa phương đã được Đoàn kiểm tra của tỉnh kiểm tra trong thời gian từ năm 2019 đến năm 2021.

III. ĐỐI TƯỢNG, HÌNH THỨC VÀ THỜI GIAN KIỂM TRA

1. Đối tượng kiểm tra

- Các sở, ban, ngành (*bao gồm các đơn vị trực thuộc*), UBND các huyện, thị xã, thành phố (*bao gồm các cơ quan chuyên môn và UBND cấp xã*).
- Kiểm tra trực tiếp tại 09 cơ quan, đơn vị cấp Sở, cấp huyện và 03 đơn vị cấp xã.

2. Hình thức kiểm tra

a) Tự kiểm tra:

Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh xây dựng kế hoạch và tiến hành kiểm tra ít nhất 30% số phòng, ban, đơn vị trực thuộc; UBND cấp huyện xây dựng kế hoạch và tiến hành kiểm tra ít nhất 30% số phòng, ban chuyên môn và đơn vị hành chính cấp xã.

b) Kiểm tra trực tiếp tại các cơ quan, đơn vị có thông báo trước và kiểm tra gián tiếp thông qua báo cáo tùy theo tình hình diễn biến của dịch bệnh Covid-19.

- Đoàn kiểm tra công tác CCHC của tỉnh sẽ gửi văn bản đến cơ quan, đơn vị, địa phương trước 10 ngày về thành phần, thời gian kiểm tra tại đơn vị.

- Đoàn kiểm tra công tác CCHC của tỉnh đến kiểm tra trực tiếp và trao đổi những vấn đề liên quan đến nội dung kiểm tra; Nghiên cứu hồ sơ, tài liệu liên quan đến nội dung kiểm tra; Kiểm tra trực tiếp tại 2 - 3 phòng, ban, đơn vị trực thuộc và 2 - 3 phòng, ban chuyên môn hoặc đơn vị hành chính cấp xã thuộc UBND huyện, thị xã, thành phố. Trong trường hợp cần thiết, Đoàn kiểm tra công tác CCHC của tỉnh làm việc với một số tổ chức, cá nhân liên quan để kiểm tra, xác minh.

- Thông qua Biên bản kiểm tra và ban hành Báo cáo kết luận về kết quả kiểm tra.

Đối với một số lĩnh vực, nội dung kiểm tra của Kế hoạch này đã được các Sở có liên quan kiểm tra chuyên ngành theo yêu cầu của các Bộ, ngành Trung ương trong năm 2021 sẽ được Đoàn kiểm tra sử dụng kết quả làm căn cứ để kết luận.

c) Kiểm tra đột xuất

Đoàn kiểm tra công tác CCHC của tỉnh không báo trước cho cơ quan, đơn vị biết về lịch, thời gian kiểm tra. Phóng viên Báo Quảng Trị, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh đi cùng ghi hình và đưa công khai kết quả kiểm tra lên các phương tiện thông tin đại chúng của tỉnh.

3. Thời gian kiểm tra

a) Thời gian tổ chức kiểm tra: Quý II năm 2022. Thời gian cụ thể do Trưởng đoàn chủ động bố trí. Đoàn kiểm tra công tác CCHC của tỉnh sẽ tiến hành kiểm tra trực tiếp tại mỗi đơn vị không quá 02 ngày làm việc.

b) Mốc kiểm tra: Từ ngày 01/01/2021 đến thời điểm kiểm tra.

IV. THÀNH PHẦN THAM GIA ĐOÀN KIỂM TRA

1. Thành phần đoàn kiểm tra

Lãnh đạo, quản lý và chuyên viên của các đơn vị: Sở Nội vụ, Sở Tư pháp, Sở Tài chính, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở

Tài nguyên và Môi trường, Văn phòng UBND tỉnh và Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh.

2. Thành phần đoàn làm việc của các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố

- Đối với các Sở, ban, ngành: Thành phần làm việc gồm: Lãnh đạo cơ quan phụ trách công tác CCHC; Chánh Văn phòng; Trưởng các phòng chuyên môn có liên quan; Công chức phụ trách công tác CCHC; Công chức phụ trách công tác kiểm soát TTHC.

- Đối với UBND cấp huyện: Lãnh đạo UBND huyện phụ trách công tác CCHC; Chánh Văn phòng UBND huyện; Lãnh đạo, công chức phòng Nội vụ phụ trách công tác CCHC; Trưởng phòng Tư pháp; Trưởng phòng Tài nguyên - Môi trường; Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch; Trưởng phòng Văn hóa và Thông tin; Công chức phụ trách công tác kiểm soát TTHC; Công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.

3. Trách nhiệm của Đoàn kiểm tra

- Đoàn kiểm tra có trách nhiệm triển khai các hoạt động kiểm tra theo đối tượng, nội dung, hình thức và thời gian nêu trong Kế hoạch này.

- Các thành viên Đoàn kiểm tra: có trách nhiệm chấp hành sự phân công của Trưởng Đoàn, Phó Trưởng Đoàn; tham dự đầy đủ các buổi làm việc tại các cơ quan, đơn vị.

- Từng thành viên đoàn kiểm tra có nhiệm vụ kiểm tra theo từng lĩnh vực thuộc chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của sở, ngành mình đối với các cơ quan, đơn vị được kiểm tra.

- Báo cáo kết quả kiểm tra với Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Căn cứ kế hoạch này, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện có trách nhiệm chỉ đạo việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện tự kiểm tra và lồng ghép báo cáo kết quả tự kiểm tra trong báo cáo CCHC định kỳ (gửi kèm các văn bản chỉ đạo khắc phục sau kiểm tra, kết quả khắc phục hạn chế...).

2. Sở Nội vụ

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu cho Chủ tịch UBND tỉnh thành lập Đoàn kiểm tra cải cách hành chính của tỉnh năm 2022 với thành phần, số lượng thành viên đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ được giao. Trưng tập cán bộ, công chức tham gia đoàn kiểm tra và tổ chức cuộc kiểm tra theo kế hoạch này.

- Xây dựng lịch kiểm tra để thông báo đến các cơ quan, đơn vị được kiểm tra và tổ chức thực hiện công tác kiểm tra theo kế hoạch.

- Kết thúc đợt kiểm tra tổng hợp báo cáo kết quả với Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, tham mưu ban hành văn bản để chấn chỉnh những tập thể cá nhân chưa chủ động, chưa tích cực trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ công tác cải cách hành chính, xử lý hoặc đề xuất, kiến nghị biện pháp xử lý đối với các sai phạm của cá nhân, tổ chức trong lĩnh vực kiểm tra theo thẩm quyền.

- Tổ chức kiểm tra đột xuất các nội dung liên quan đến công tác CCHC năm 2022 tại các cơ quan, đơn vị.

3. Các sở, ban, ngành có liên quan phân công lãnh đạo và chuyên viên tham gia Đoàn kiểm tra công tác cải cách hành chính theo kế hoạch kiểm tra đúng quy định.

4. Các cơ quan, đơn vị được kiểm tra trực tiếp

- Xây dựng báo cáo (theo Đề cương và phụ lục đính kèm Kế hoạch này) gửi Đoàn Kiểm tra trước ngày kiểm tra 03 ngày. Bố trí phòng họp, lãnh đạo và công chức có liên quan làm việc trực tiếp với Đoàn Kiểm tra.

- Báo cáo, cung cấp kịp thời, đầy đủ các thông tin, tài liệu, nội dung theo yêu cầu của Đoàn kiểm tra.

- Tạo điều kiện thuận lợi để Đoàn kiểm tra thực hiện nhiệm vụ tại cơ quan, đơn vị và các đơn vị trực thuộc.

- Báo cáo kết quả khắc phục những tồn tại, hạn chế mà Đoàn Kiểm tra đã chỉ ra sau kiểm tra.

Trên đây là Kế hoạch kiểm tra công tác CCHC năm 2022, yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện, Chủ tịch UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh nghiêm túc triển khai và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Vụ CCHC - Bộ Nội vụ;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Các cơ quan CM thuộc UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- VP UBND tỉnh: LĐ và các CV: TH, NC;
- Lưu: VT, NV, P KSTTHC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Võ Văn Hưng

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2022 của UBND tỉnh Quảng Trị)

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CCHC

1. Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC

a. Về xây dựng ban hành kế hoạch cải cách hành chính

- Việc xây dựng ban hành kế hoạch CCHC giai đoạn 2021-2025, định hướng đến 2030; kế hoạch CCHC năm 2022.

- Kết quả triển khai thực hiện kế hoạch tại thời điểm kiểm tra *(số nhiệm vụ đã hoàn thành, chưa hoàn thành so với kế hoạch)*.

b. Về chỉ đạo, điều hành CCHC

- Việc ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành về CCHC *(chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc, nhắc nhở thực hiện nhiệm vụ CCHC)*.

- Việc phân công lãnh đạo, công chức phụ trách công tác CCHC.

- Số lượng các cuộc họp, hội nghị, giao ban về công tác CCHC và các nội dung liên quan đến công tác CCHC *(kể cả giao ban tập thể lãnh đạo)*.

- Công tác thi đua, khen thưởng gắn với thực hiện nhiệm vụ CCHC.

- Những sáng kiến CCHC đã và đang áp dụng hiệu quả tại đơn vị *(ghi rõ kết quả đạt được đến thời điểm kiểm tra)*.

- Việc bố trí kinh phí thực hiện công tác CCHC của đơn vị.

c. Công tác tự kiểm tra CCHC

- Việc xây dựng và ban hành kế hoạch kiểm tra CCHC tại các địa phương, đơn vị trực thuộc;

- Số lượng các cơ quan, đơn vị được kiểm tra về CCHC; việc xử lý các vấn đề tồn tại sau kiểm tra *(số vấn đề đặt ra sau kiểm tra, đã xử lý/đã thực hiện, kèm theo hồ sơ có liên quan gồm báo cáo tự kiểm tra và kết quả khắc phục)*.

d. Kết quả khắc phục kết luận của Đoàn kiểm tra công tác CCHC trong thời gian từ năm 2018-2020.

e. Công tác tuyên truyền cải cách hành chính

Báo cáo về công tác tuyên truyền CCHC của đơn vị, gồm các nội dung:

- Kế hoạch tuyên truyền CCHC.

- Số lượng tin, bài tuyên truyền CCHC tương ứng với các hình thức tuyên truyền *(trên đài, báo chí, trên website, hình thức khác)*.

- Tổ chức cuộc thi về CCHC *(nếu có)*.

2. Cải cách thể chế

a. Hoàn thiện hệ thống thể chế, cơ chế, chính sách về các lĩnh vực quản lý nhà nước

- Số văn bản quy phạm pháp luật đã ban hành (hoặc tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành). Trong đó, làm rõ việc tuân thủ quy trình, thủ tục xây dựng văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của pháp luật, chất lượng văn bản được ban hành, tham mưu ban hành.

- Công tác theo dõi thi hành pháp luật theo Nghị định số 59/2012/NĐ-CP; Nghị định số 32/2020/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thi hành (Ban hành Kế hoạch/Báo cáo kết quả theo dõi, xử lý hoặc kiến nghị xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật).

b. Rà soát văn bản quy phạm pháp luật

Nội dung báo cáo theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d khoản 3 Điều 170 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản QPPL.

c. Tổ chức thực hiện và kiểm tra việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật tại UBND cấp huyện

- Tình hình triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền phụ trách tại cơ quan, đơn vị; trong đó nêu rõ số văn bản quy phạm pháp luật phải triển khai thực hiện tại cơ quan, đơn vị theo quy định, số văn bản quy phạm pháp luật đã được triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời và đúng quy định.

- Tình hình thực hiện tự kiểm tra việc thực hiện văn bản quy phạm pháp luật tại cơ quan, đơn vị; nêu rõ số văn bản quy phạm pháp luật được kiểm tra thực hiện so với tổng số văn bản quy phạm pháp luật hiện hành; kết quả xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra.

d. Công tác tổ chức tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật.

3. Cải cách thủ tục hành chính

a) Công tác chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính:

- Việc ban hành kế hoạch và các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính.

- Kết quả thực hiện (tình hình đôn đốc, chỉ đạo thực hiện kế hoạch và các văn bản liên quan về kiểm soát thủ tục hành chính; việc kiểm tra, giám sát việc thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính; công tác đào tạo, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, công chức.

b) Việc thực hiện đánh giá tác động thủ tục hành chính và việc tiếp thu, giải trình nội dung tham gia ý kiến về quy định thủ tục hành chính của các cơ quan

chủ trì soạn thảo (nếu có, đối với các cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc UBND tỉnh).

c) Việc thực hiện công bố, công khai thủ tục hành chính:

- Kết quả thực hiện công bố danh mục thủ tục hành chính (ghi rõ thời gian tham mưu ban hành so với thời gian văn bản QPPL quy định TTHC có hiệu lực thi hành đến thời điểm kiểm tra).

- Việc tham mưu phê duyệt tinh phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính (đối với các cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc UBND tỉnh – ghi rõ số TTHC thực hiện và số quy trình nội bộ đã ban hành được quy định tại Nghị định 61/2018/NĐ-CP và Thông tư số 01/2018/TT-VPCP).

- Việc thực hiện công khai TTHC và công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC trên trang Thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị (tỷ lệ % đã công khai).

d) Việc đưa thủ tục ngành dọc thực hiện tại Bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp xã theo Quyết định số 1291/QĐ-TTg ngày 07/10/2019 của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch số 2289/KH-UBND ngày 27/5/2020 của UBND tỉnh.

đ) Việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ và kết quả giải quyết thủ tục hành chính:

- Nêu các lĩnh vực, công việc thực hiện theo cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại địa phương, đơn vị (Nêu cụ thể số lượng TTHC thực hiện theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông/tổng số TTHC); Tình hình tiếp nhận, giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh Quảng Trị (Số hồ sơ cập nhật trên hệ thống phần mềm Một cửa điện tử/ Số hồ sơ đã tiếp nhận, giải quyết; Nêu cụ thể kết quả đã giải quyết đến thời điểm kiểm tra).

- Thống kê và báo cáo tình hình thực hiện TTHC của cơ quan, đơn vị trình UBND quyết định.

- Ban hành Quy chế quy định quy trình tiếp nhận, chuyển hồ sơ, xử lý, trình ký, trả lại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả; trách nhiệm của bộ phận liên quan trong việc thực hiện cơ chế một cửa; trách nhiệm của cán bộ, công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.

- Bố trí, phân công công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP.

- Tình hình xây dựng trụ sở làm việc của các xã, phường thị trấn (việc bố trí nơi làm việc của Bộ phận một cửa); Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho việc thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại địa phương, đơn vị (đạt yêu cầu/chưa đạt yêu cầu), biển hiệu Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, phiếu chuyển hồ sơ, phiếu nhận hồ sơ, sổ theo dõi giải quyết....

- Kết quả giải quyết hồ sơ TTHC: Tổng số hồ sơ đã tiếp nhận, số hồ sơ đã giải quyết đúng hạn, số hồ sơ giải quyết quá hạn, nguyên nhân quá hạn.

- Thực hiện xin lỗi người dân, tổ chức khi để xảy ra trễ hẹn trong giải quyết hồ sơ TTHC theo quy định tại Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ và Quyết định số 30/2020/QĐ-UBND ngày 08/12/2020 của UBND tỉnh (*Số phiếu xin lỗi/Số hồ sơ trễ hẹn; thời gian xin lỗi so với thời gian đến hạn*).

- Tình hình, kết quả triển khai đánh giá việc giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông theo quy định tại Thông tư số 01/2018/TT-VPCP và theo Quyết định số 1089/QĐ-UBND ngày 28/4/2020 của UBND tỉnh.

e) Việc tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính theo quy định tại Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14/02/2008 của Chính phủ về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính và Chương VI Thông tư số 02/2017/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ:

- Việc công khai địa chỉ cơ quan, địa chỉ thư tín hoặc thư điện tử, số điện thoại chuyên dùng của cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận phản ánh, kiến nghị.

- Quá trình thực hiện việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính (*Hình thức tiếp nhận; số phản ánh, kiến nghị đã xử lý/số phản ánh, kiến nghị đã tiếp nhận*).

f) Việc thực hiện chế độ thông tin, báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính: Đánh giá kết quả thực hiện, nội dung và thời gian báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cấp trên.

g) Những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện và đề xuất, kiến nghị: Nêu cụ thể những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính; đề xuất, kiến nghị và giải pháp khắc phục.

4. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

- Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy hành chính theo Nghị quyết số 18-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương; việc đổi mới hệ thống tổ chức, quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương. Việc sắp xếp tổ chức bộ máy các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc của Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố; rà soát số lượng cấp phó theo các Nghị định số: 107/2020/NĐ-CP và 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ.

- Việc ban hành, sửa đổi, bổ sung các quy chế hoạt động của cơ quan, đơn vị cho phù hợp với những quy định mới của Chính phủ, của Bộ, ngành và của địa phương (*Quy chế làm việc, Quy tắc ứng xử, Quy chế dân chủ...*).

- Tỷ lệ giảm số lượng đơn vị sự nghiệp công lập và tỷ lệ thực hiện tinh giản biên chế đến thời điểm kiểm tra so với Kế hoạch thực hiện của năm 2022.

- Thực hiện các quy định về phân cấp quản lý CBCC,VC theo Nghị quyết 99/NQ-CP ngày 24/6/2020 của Chính phủ về việc đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực và Kế hoạch 3381/KH-UBND ngày 27/7/2020 của UBND tỉnh về các lĩnh vực như: Nội vụ, Tài nguyên - Môi trường, Tài chính, Kế hoạch - Đầu tư,... *(Thực hiện phân cấp được UBND tỉnh giao, tham mưu UBND tỉnh phân cấp đối với lĩnh vực phụ trách (nếu có), kiểm tra và khắc phục sau kiểm tra việc thực hiện phân cấp theo quy định).*

5. Cải cách công vụ

a) Thực hiện các quy định về quản lý cán bộ, công chức, viên chức

- Nêu rõ tình hình thực hiện các quy định về quản lý cán bộ, công chức, viên chức (tuyển dụng, sử dụng, bổ nhiệm, luân chuyển; thực hiện các chế độ chính sách khác đối với cán bộ, công chức, viên chức tại địa phương, đơn vị).

- Việc bố trí cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm (*số CBCCVC bố trí đúng VTVL/tổng số CBCCVC hiện có; số CBCCVC chưa bố trí đúng VTVL, lý do*).

- Việc thực hiện Đề án Văn hóa công vụ theo Kế hoạch 1291/KH-UBND ngày 28/3/2019 của UBND tỉnh (*Đạo đức công vụ, văn hóa công sở, cải tiến chế độ làm việc, ứng dụng CNTT để nâng cao hiệu quả làm việc, khen thưởng và xử lý công chức vi phạm...*).

- Xây dựng và thực hiện các chính sách, giải pháp đổi mới trong công tác quản lý, đánh giá, khen thưởng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

- Đánh giá chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền sở, ban, ngành, huyện, thị xã, thành phố quản lý.

- Việc thực hiện quy chế làm việc, kỷ luật, kỷ cương hành chính của công chức, viên chức.

b) Về công tác đào tạo, bồi dưỡng

- Tổng số CBCCVC được cử đi đào tạo, bồi dưỡng (*trong đó, số lượng công chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng*).

- Kết quả mở các lớp bồi dưỡng được giao trong kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức của tỉnh, của địa phương, đơn vị.

c) Về cán bộ, công chức cấp xã

Thực tế số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã, trong đó, nêu rõ số lượng và tỷ lệ % công chức cấp xã đạt chuẩn theo quy định; số lượng và tỷ lệ % số cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và tập huấn trong năm; việc thực hiện chỉ tiêu đạt chuẩn công chức cấp xã hàng năm theo quy định.

6. Về cải cách tài chính công

a. Kết quả thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý đối với cơ quan nhà nước

- Việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ và quy chế quản lý tài sản công (*nêu rõ số cơ quan, đơn vị trực thuộc phải ban hành Quy chế và đã ban hành Quy chế*).

- Số cơ quan, đơn vị, địa phương trực thuộc ban hành tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao làm căn cứ chi trả thu nhập tăng thêm. Mức tăng thu nhập cho cán bộ, công chức (nếu có).

b. Kết quả thực hiện cơ chế tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập

- Nêu rõ số lượng đơn vị tự bảo đảm chi phí hoạt động; đơn vị tự bảo đảm một phần chi phí hoạt động; đơn vị nhà nước bảo đảm toàn bộ chi phí hoạt động;

- Việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ và quy chế quản lý, sử dụng tài sản công (*nêu rõ số cơ quan, đơn vị trực thuộc ban hành Quy chế*).

c. Báo cáo kê khai, đề xuất phương án sắp xếp lại, sử lý nhà đất đối với các cơ sở nhà, đất thuộc phạm vi quản lý (*theo Kế hoạch số 253/KH-UBND ngày 17/01/2020 của UBND tỉnh*).

d. Việc Quản lý, sử dụng tài sản công (*kết quả thực hiện các quy định về quản lý, sử dụng tài sản công; công khai tình hình đầu tư xây dựng, mua sắm, giao, thuê tài sản công; công khai tình hình sử dụng, thu hồi, điều chuyển, thanh lý tài sản công; báo cáo tình hình quản lý tài sản công; kiểm kê tài sản hàng năm*).

e. Tình hình thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước.

f. Tình hình thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách.

g. Tình hình thực hiện dự toán thu ngân sách được giao (*đối với UBND các huyện, thị xã, thành phố*)

7. Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số

a) Ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước

- Kết quả triển khai ứng dụng công nghệ thông tin tại địa phương, đơn vị. Đề nghị nêu rõ tình hình sử dụng mạng nội bộ (mạng LAN) trong trao đổi công việc; sử dụng phần mềm quản lý văn bản và điều hành; tỷ lệ cán bộ, công chức sử dụng thư điện tử trong trao đổi công việc; xây dựng và vận hành trang/cổng thông tin điện tử, ứng dụng chữ ký số chuyên dùng trong công tác chỉ đạo điều hành và gửi nhận văn bản; tỷ lệ hồ sơ công việc được công việc được xử lý trên môi trường mạng.

- Cung cấp dịch vụ hành chính công trực tuyến đối với tổ chức, công dân (*thống kê số lượng hồ sơ và số TTHC được cung cấp xử lý trực tuyến ở mức độ 1 và 2, mức độ 3, mức độ 4/tổng số hồ sơ và TTHC*).

- Công/trang thông tin điện tử đảm bảo theo quy định tại Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ; Tình hình áp dụng chữ ký số.

b) Việc xây dựng, chuyển đổi áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO TCVN 9001:2015 thay thế tiêu chuẩn ISO TCVN 9001:2008 đang áp dụng tại cơ quan, đơn vị theo Quyết định số 127/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 của UBND tỉnh; và việc duy trì, cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo quy định và việc tuân thủ theo quy định tại Quyết định 19/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

8. Việc thực hiện các nội dung duy trì và nâng cao các chỉ số liên quan đến công tác CCHC: Chỉ số CCHC (PAR INDEX), Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), Chỉ số về hiệu quả và quản trị hành chính công cấp tỉnh (PAPI).

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. **Ưu điểm** (*nêu rõ những nội dung nổi bật so với năm trước*)

2. **Tồn tại, hạn chế**

3. **Nguyên nhân**

III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TRONG THỜI GIAN TỚI

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Lưu ý: - Các cơ quan, đơn vị được UBND tỉnh phân công phụ trách các lĩnh vực công tác cải cách hành chính của tỉnh nếu là đối tượng được kiểm tra thì báo cáo thêm kết quả tham mưu thực hiện lĩnh vực được phân công.

- Trong quá trình làm việc, để làm rõ hơn về một nội dung nào đó liên quan đến công tác CCHC, các thành viên của đoàn kiểm tra có thể yêu cầu đơn vị được kiểm tra cung cấp thêm thông tin có liên quan.